

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 18-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Quốc Trung
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Văn Nhó

Bà Khuru Liên Dung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Phan Hữu T, sinh năm 1992 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hữu D, sinh năm 1951 và bà Thái Thị Đ, sinh năm 1950; anh chị em ruột 03 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất là bị cáo; vợ Võ Thị Bé D, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị khởi tố bị can ngày 09/11/2021 và được cho tại ngoại đến nay (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Hữu T là người nghiện ma túy, thông qua bạn nghiện bị cáo T biết được tại khu vực cầu số 4, Khóm 6, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có người bán ma túy. Khoảng 20 giờ ngày 29/6/2021 do có nhu cầu sử dụng ma túy, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 59D2 – 001.83 đi từ nhà bị cáo ở ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đến khu vực cầu số 4, Khóm 6, Phường 7, thành

phố B, tỉnh Bạc Liêu thì gặp một người thanh niên (không rõ lai lịch) để mua 200.000 đồng ma túy. Sau khi mua ma túy xong, bị cáo T điều khiển xe đi về nhà sử dụng; đang đi trên đường T, Khóm 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì bị lực lượng Công an tuần tra kiểm tra và phát hiện trên tay phải của bị cáo T đang cầm một bọc nylon màu trắng được hàn kín có nẹp miệng, gần nẹp miệng có đường viền màu đỏ, kích thước 2,1cm x 1,7cm, bên trong bọc nylon có chứa các tinh thể màu trắng ghi là ma túy, nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật. Quá trình điều tra bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định số: 97/KLGD-PC09, ngày 18/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận: Chất rắn màu trắng, dạng tinh thể bên trong gói nylon (kí hiệu M) là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,22525 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSTPBL, ngày 16/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Phan Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Phan Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Hữu T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng là 0,21006 gam và các vỏ phong bì, bao gói.

+ Về án phí: Bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa người thanh niên chưa rõ nhân thân và bị cáo T, Viện kiểm sát đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố và tách vụ án ra để tiếp tục điều tra xử lý.

- Bị cáo Phan Hữu T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Hữu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 29/6/2021, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ ngày 29/6/2021, bị cáo Phan Hữu T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,22525 gam thì bị phát hiện và bị bắt quả tang.

[2.2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo T là người đã thành niên, đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo T biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy là nguyên nhân dẫn đến mọi loại tội phạm khác nhau, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy do bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo T, cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo T và để phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng là 0,21006 gam và các vỏ phong bì, bao gói là vật Nhà nước cấm tàng trữ,

nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.5] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa người thanh niên chưa rõ nhân thân và bị cáo T, Viện kiểm sát đã yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố và tách vụ án ra để tiếp tục điều tra xử lý.

[2.6] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo T, Công an thành phố B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[3] Như đã phân tích, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và xử lý vật chứng.

[4] Về án phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Hữu T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong, trên gói niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Anh D và dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu cùng dòng chữ “97/GĐ-2021” (Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,21006 gam Methamphetamine và các vỏ phong bì, bao gói).

(Vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21/12/2021).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Hữu T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Trung